

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Chế độ tưới kỳ trước	Tuoi_KyTruoc	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về chế độ tưới của điều tra, đánh giá thoái hóa đất kỳ trước
Xâm nhập mặn kỳ trước	xamNhapMan_KyTruoc	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về xâm nhập mặn của điều tra, đánh giá thoái hóa đất kỳ trước
Ngập úng kỳ trước	ngapUng_KyTruoc	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về ngập úng của điều tra, đánh giá thoái hóa đất kỳ trước
Điểm điều tra, lấy mẫu kỳ trước	diemDieuTra_KyTruoc	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về điểm điều tra, lấy mẫu của điều tra, đánh giá thoái hóa đất kỳ trước
Tên điểm điều tra	tenDiemDieuTra_KyTruoc	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về điểm điều tra của điều tra, đánh giá thoái hóa đất kỳ trước
Tọa độ X	toaDoX	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng X trong Hệ tọa độ quốc gia của điểm lấy mẫu. Đơn vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phân thập phân.
Tọa độ Y	toaDoY	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng Y trong Hệ tọa độ quốc gia của điểm lấy mẫu. Đơn vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phân thập phân.
Loại điểm điều tra	loai_Diem	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại điểm điều tra (xói mòn, khô hạn, kết vón, suy giảm độ phì)
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa

b) Lớp dữ liệu khoanh đất điều tra, đánh giá thoái hóa đất cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: KhoanhDieuTraTHD_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã khoanh đất điều tra	khoanhDatDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanhDat	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên khoanh đất	tenKhoanh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về ký hiệu tên khoanh đất (ký hiệu viết tắt của tên địa danh và số thứ tự khoanh đất)
Diện tích khoanh đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích khoanh đất, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha.
Loại thổ nhưỡng	thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Loại thổ nhưỡng được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Tầng dày	tangDay	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là độ dày tầng đất trong cấp điều tra, đánh giá
Địa hình	diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Trong danh mục địa hình
Điểm điều tra phẩu diện kỳ trước	phauDien_KT	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về tên của điểm đào phẩu diện kỳ trước trong khoanh đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_PoLyGon		Là dữ liệu đồ họa

c) Lớp dữ liệu kết quả đánh giá thoái hóa đất đai cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: ThoaiHoaDat_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã khoanh thoái hóa đất	khoanhDatThoaiHoaID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanh	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Diện tích khoanh đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích khoanh đất, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha.
Tên khoanh đất	tenKhoanh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về ký hiệu tên khoanh đất trong điều tra, đánh giá thoái hóa đất
Tên điểm điều tra	tenDiem	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là điểm điều tra đại diện cho khoanh đất điều tra thoái hóa

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Phân cấp thổ nhưỡng	pc_thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại thổ nhưỡng được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Phân cấp địa hình	pc_diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp địa hình được gộp theo mức độ đồng nhất nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Phân cấp đất bị suy giảm độ phì	pc_sgdp	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là phân cấp đất bị suy giảm độ phì
Phân cấp đất bị xói mòn	pc_xoiMon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là phân cấp đất bị xói mòn
Phân cấp đất bị khô hạn	pc_khoHan	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là phân cấp đất bị khô hạn
Phân cấp đất bị mặn hóa	pc_manHoa	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là phân cấp đất bị mặn hóa
Phân cấp đất bị phèn hóa	pc_phenHoa	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là phân cấp đất bị phèn hóa
Phân cấp đất bị kết von, đá ong hóa	pc_ketVon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là phân cấp đất bị kết von, đá ong hóa
Phân mức đánh giá thoái hóa đất	pc_thoaiHoa	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là phân cấp đất bị thoái hóa
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_PoLyGon		Là dữ liệu đồ họa

2.2.2.7.Nhóm lớp dữ liệu về ô nhiễm đất cấp tỉnh

a) Lớp dữ liệu điểm điều tra ô nhiễm đất đại cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: DiemDieuTraOND_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã điểm điều tra	diemDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự điểm điều tra	soThuTuDiem	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất gắn với điểm điều tra
Loại điểm điều tra	loaiDiem	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là loại dữ liệu nằm trong bảng danh mục dữ liệu điều tra
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Loại đất theo mục đích sử dụng	hienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là loại sử dụng đất hiện trạng
Thổ nhưỡng	thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về thổ nhưỡng của khoanh đất
Địa hình	diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về địa hình (độ dốc, địa hình tương đối) của khoanh đất
Tên điểm điều tra ô nhiễm	diemON	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về tên điểm điều tra ô nhiễm đất
Tọa độ X	toaDoX	Số thực	Real		Là toạ độ vuông góc phẳng X trong Hệ toạ độ quốc gia của điểm lấy mẫu. Đơn

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phân thập phân.
Tọa độ Y	toaDoY	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng Y trong Hệ tọa độ quốc gia của điểm lấy mẫu. Đơn vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phân thập phân.
Khu vực điều tra ô nhiễm	khvVucDieuTra	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là số thứ tự khu vực điều tra ô nhiễm
Nguồn gây ô nhiễm	nguồnON	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Tên ký hiệu nguồn gây ô nhiễm
Tác nhân gây ô nhiễm	tacNhan	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Tên ký hiệu tác nhân gây ô nhiễm
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa

b) Lớp dữ liệu phạm vi ảnh hưởng ô nhiễm đất đai cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: PhạmViOND_Tỉnh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã khoanh đất	khoanhDatONID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanh	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Diện tích khoanh đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích khoanh đất, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha
Tên điểm điều tra ô nhiễm	diemON	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là tên điểm điều tra ô nhiễm gắn với khoanh đất
Khu vực điều tra ô nhiễm	khuVucDieuTra	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Số thứ tự khu vực điều tra ô nhiễm
Loại thổ nhưỡng	thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là loại thổ nhưỡng của khoanh đất gắn với điểm điều tra ô nhiễm
Tầng dày	tangDay	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là độ dày tầng đất của khoanh đất gắn với điểm điều tra ô nhiễm
Địa hình	diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là loại địa hình của khoanh đất gắn với điểm điều tra ô nhiễm
Nguồn gây ô nhiễm	nguồnON	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là nguồn gây ô nhiễm như Khu công nghiệp, bãi thải, làng nghề....
Tác nhân ô nhiễm	tacNhan	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Tác nhân gây ô nhiễm như kim loại nặng, hóa chất bảo vệ thực vật....
Phân cấp Arsen (As)	pc_As	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu As
Phân cấp Cadimi (Cd)	pc_Cd	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Cd
Phân cấp Đồng (Cu)	pc_Cu	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Cu

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Phân cấp Chì (Pb)	pc_Pb	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Pb
Phân cấp Kẽm (Zn)	pc_Zn	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Zn
Phân cấp Thủy ngân (Hg)	pc_Hg	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Hg
Phân cấp Crôm Cr	pc_Cr	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Cr
Phân cấp Niken (Ni)	pc_Ni	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Ni
Phân cấp Diazinon ($C_{12}H_{21}N_2O_3PS$)	pc_Diazinon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Diazinon
Phân cấp Dimethoate ($C_5H_{12}NO_3SP_2$)	pc_Dimethoate	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Dimethoate
Phân cấp Trichlorfon ($C_4H_8Cl_3O_4P$)	pc_Trichlorfon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Trichlorfon
Phân cấp Methamidophos ($C_2H_8NO_2PS$)	pc_Methamidophos	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Methamidophos
Phân cấp Monocrotophos ($C_7H_{14}NO_5P$)	pc_Monocrotophos	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Monocrotophos
Phân cấp Methyl Parathion ($C_8H_{10}NO_5PS$)	pc_Methyl Parathion	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Methyl Parathion
Phân cấp Parathion Ethyl ($C_7H_{14}NO_5P$)	pc_Parathion Ethyl	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Parathion Ethyl

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Phân cấp Phosphamidon (C ₁₀ H ₁₉ ClNO ₅ P)	pc_Phosphamidon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Phosphamidon
Phân cấp Ô nhiễm	pc_oNhiemDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Kết quả đánh giá ô nhiễm
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa

2.2.2.8.Nhóm lớp dữ liệu về xử lý, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh

a) Lớp thông tin về các khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: KhuVucBaoVeCaiTaoPhucHoi_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Mã khoanh đất	khoanhDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanhDat	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Thổ nhượng	pc_thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại thổ nhượng được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Địa hình	pc_diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp địa hình được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước	hienTrang_KT	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại sử dụng đất kỳ trước
Loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại	hienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại sử dụng đất hiện tại
Phân mức đánh giá chất lượng đất	pc_ChatLuongDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp đánh giá chất lượng đất
Phân mức đánh giá tiềm năng đất đai	pc_TiemNangDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp đánh giá tiềm năng đất đai
Suy giảm độ phì	pc_suyGiamDoPhi	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ suy giảm độ phì
Xói mòn	pc_xoiMon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ xói mòn
Khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa	pc_khoHan	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Kết von, đá ong hóa	pc_ketVon	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ kết von, đá ong hóa
Mặn hóa	pc_manHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ mặn hóa
Phèn hóa	pc_phenHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ phèn hóa
Thoái hóa đất	pc_thoaiHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ thoái hóa
Ô nhiễm đất	pc_oNhiem	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ ô nhiễm đất
Khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi	khuVuc_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi: 1: Khu vực chất lượng đất 2: Khu vực thoái hóa đất 3: Khu vực ô nhiễm đất
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa

b) Lớp dữ liệu mức độ bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: MucDoBaoVeCaiTaoPhucHoi_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Mã khoanh đất	khoanhDatDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanh	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Thổ nhượng	pc_thoNhuong	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại thổ nhượng được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Địa hình	pc_diaHinh	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp địa hình được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước	hienTrang_KT	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại sử dụng đất kỳ trước
Loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại	hienTrang	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại sử dụng đất hiện tại

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Suy giảm độ phì	pc_suyGiảmDoPhi	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ suy giảm độ phì
Xói mòn	pc_xoiMon	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ xói mòn
Khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa	pc_khoHan	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa
Kết von, đá ong hóa	pc_ketVon	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ kết von, đá ong hóa
Mặn hóa	pc_manHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ mặn hóa
Phèn hóa	pc_phenHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ phèn hóa
Thoái hóa đất	pc_thoaiHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ thoái hóa
Ô nhiễm đất	pc_oNhiem	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ ô nhiễm đất
Khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi	khuVuc_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Mức độ bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	pc_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp mức độ bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa

c) Lớp dữ liệu kế hoạch thực hiện bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: MucDoBaoVeCaiTaoPhucHoi_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Mã khoanh đất	khoanhDatDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanh	Số nguyên	Integer		Là số thứ tự khoanh đất
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Thổ nhượng	pc_thoNhuong	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại thổ nhượng được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Địa hình	pc_diaHinh	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp địa hình được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước	hienTrang_KT	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước
Loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại	hienTrang	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại
Ô nhiễm đất	pc_oNhiem	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ ô nhiễm
Khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi	khuVuc_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Mức độ bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	pc_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp về khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Kế hoạch thực hiện	keHoach_BCP	Số nguyên	Integer	4	Là thông tin về năm thực hiện bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Biện pháp kỹ thuật đề xuất	bienPhapDeXuat	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về biện pháp kỹ thuật đề xuất
Giải pháp kinh tế - xã hội đề xuất	giaiPhapDeXuat	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin giải pháp kinh tế - xã hội đề xuất
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	boDuLieuTinhID	Chuỗi kí tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa

d) Lớp dữ liệu về kết quả giám sát, kiểm soát bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: KetQuaGiamSatBaoVeCaiTaoPhucHoi_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Mã khoanh đất	khoanhDatDieuTraID	Chuỗi kí tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanh	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Thổ nhượng	pc_thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là tên quận hoặc huyện hoặc thị xã hoặc thành phố thuộc tỉnh
Địa hình	pc_diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là tên quận hoặc huyện hoặc thị xã hoặc thành phố thuộc tỉnh
Loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước	hienTrang_KT	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước
Loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại	hienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại
Suy giảm độ phì	pc_suyGiamDoPhi	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ suy giảm độ phì
Xói mòn	pc_xoiMon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ xói mòn
Khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa	pc_khoHan	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa
Kết von, đá ong hóa	pc_ketVon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ kết von, đá ong hóa

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Mặn hóa	pc_manHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ mặn hóa
Phèn hóa	pc_phenHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ phèn hóa
Thoái hóa đất	pc_thoaiHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ thoái hóa
Ô nhiễm đất	pc_oNhiem	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ ô nhiễm đất
Khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi	khuVuc_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Mức độ bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	pc_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp mức độ bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Kế hoạch thực hiện (thời gian là năm)	keHoach_BCP	Ngày tháng	Date		Là thông tin về năm thực hiện bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Biện pháp kỹ thuật đề xuất	bienPhapDeXuat	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về biện pháp kỹ thuật đề xuất
Giải pháp kinh tế - xã hội đề xuất	giaiPhapDeXuat	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin giải pháp kinh tế - xã hội đề xuất
Kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi hàng năm	Chi tiết tại nhóm dữ liệu phi cấu trúc tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				Là thông tin về năm báo cáo kết quả thực hiện bảo vệ, cải tạo, phục hồi.
Kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi theo kỳ	Chi tiết tại nhóm dữ liệu phi cấu trúc tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				Là thông tin kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi theo kỳ điều tra, đánh giá, thoái hóa.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
điều tra, đánh giá thoái hóa đất					
Kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi các khu vực kết thúc nhiệm vụ	Chi tiết tại nhóm dữ liệu phi cấu trúc tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				Là thông tin kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi các khu vực kết thúc nhiệm vụ.
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa

đ) Lớp dữ liệu kết quả thực hiện bảo vệ, cải tạo, phục hồi cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: KetQuaBaoVeCaiTaoPhucHoi_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Mã khoanh đất	khoanhDatDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanh	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Thổ nhượng	pc_thoNhuong	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là tên quận hoặc huyện hoặc thị xã hoặc thành phố thuộc tỉnh
Địa hình	pc_diaHinh	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là tên quận hoặc huyện hoặc thị xã hoặc thành phố thuộc tỉnh
Loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước	hienTrang_KT	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước
Loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại	hienTrang	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại
Suy giảm độ phì	pc_suyGiamDoPhi	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ suy giảm độ phì
Xói mòn	pc_xoiMon	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ xói mòn
Khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa	pc_khoHan	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa
Kết von, đá ong hóa	pc_ketVon	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ kết von, đá ong hóa
Mặn hóa	pc_manHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ mặn hóa

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Phèn hóa	pc_phenHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ phèn hóa
Thoái hóa đất	pc_thoaiHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ thoái hóa
Ô nhiễm đất	pc_oNhiem	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ ô nhiễm đất
Khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi	khuVuc_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Mức độ bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	pc_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp mức độ bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Kế hoạch thực hiện	keHoach_BCP	Ngày, tháng	Date	4	Là thông tin về năm thực hiện bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Biện pháp kỹ thuật đề xuất	bienPhapDeXuat	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về biện pháp kỹ thuật đề xuất
Giải pháp kinh tế - xã hội đề xuất	giaiPhapDeXuat	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin giải pháp kinh tế - xã hội đề xuất
Kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi hàng năm	Chi tiết tại nhóm dữ liệu phi cấu trúc tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				Là thông tin kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi hàng năm.
Điểm giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi hàng năm	Chi tiết tại nhóm dữ liệu phi cấu trúc tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				Là thông tin kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi hàng năm tại điểm giám sát.
Kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi theo kỳ điều tra, đánh giá thoái hóa	Chi tiết tại nhóm dữ liệu phi cấu trúc tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				Là thông tin kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi theo kỳ điều tra.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
đất					
Điểm giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi theo kỳ điều tra, đánh giá thoái hóa đất	Chi tiết tại nhóm dữ liệu phi cấu trúc tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				Là thông tin kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi theo kỳ điều tra tại điểm giám sát.
Kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi các khu vực kết thúc nhiệm vụ	Chi tiết tại nhóm dữ liệu phi cấu trúc tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				Là thông tin kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi các khu vực kết thúc nhiệm vụ.
Điểm giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi các khu vực kết thúc nhiệm vụ	Chi tiết tại nhóm dữ liệu phi cấu trúc tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				Là thông tin kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi các khu vực kết thúc nhiệm vụ tại điểm giám sát.
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa

e) Lớp dữ liệu khoanh vùng cảnh báo cho phép hạn chế hoạt động trên đất cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: KhoanhVungHoatDongTrenDat_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Mã khoanh đất	khoanhDatDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanh	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Thổ nhượng	pc_thoNhuong	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp nhóm đất được gộp theo tỉ lệ điều tra, đánh giá tương ứng
Địa hình	pc_diaHinh	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp địa hình được gộp theo tỷ lệ điều tra, đánh giá tương ứng
Loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước	hienTrang_KT	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước
Loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại	hienTrang	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa

2.2.3. Dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

2.2.3.1.Nhóm lớp dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất Quốc gia

a) Lớp quy hoạch sử dụng đất dạng vùng

Tên lớp dữ liệu: QuyHoachSDDQG_Poly

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	quyHoachSDDPolyID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã Vùng kinh tế - xã hội	maVungKTXH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã vùng kinh tế- xã hội
Tên vùng quy hoạch	tenVungQuyHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”

Trường thông tin			Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Diện tích	dienTich		Số thực	Real	8	Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach		Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo		Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

b) Lớp kế hoạch sử dụng đất dạng vùng

Tên lớp dữ liệu: KeHoachSDDQG_Poly

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin			Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	keHoachSDDQPolyID		Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh		Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã vùng kinh tế- xã hội	maVungKTXH		Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã vùng kinh tế- xã hội
Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất	congTrinhKeHoachId		Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa liên kết đến dữ liệu công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất
Tên vùng kế hoạch	tenVungQuyHoach		Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng quy hoạch

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã loại đất theo kế hoạch	loaiDatKH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Loại đất”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real	8	Là diện tích kế hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập kế hoạch	namKeHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

c) Lớp quy hoạch sử dụng đất dạng tuyến

Tên lớp dữ liệu: QuyHoachSDDQG_Line

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	tuyenQuyHoachID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã vùng kinh tế	maVungKTXH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã vùng kinh tế - xã hội
Tên vùng quy hoạch	tenVungQuyHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Diện tích	dienTich	Số thực	Real	8	Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Polyline		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

d) Lớp kế hoạch sử dụng đất dạng tuyến

Tên lớp dữ liệu: KeHoachSDDQG_Line

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	tuyenKeHoachID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã vùng kinh tế - xã hội	maVungKTXH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã vùng kinh tế - xã hội
Liên kết dự án quy hoạch	congTrinhKeHoachId	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa liên kết đến dữ liệu thuộc tính của công trình kế hoạch
Tên tuyến kế hoạch	tenVungKeHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên tuy kế hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Diện tích	dienTich	Số thực	Real	8	Là diện tích kế hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập kế hoạch	namKeHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập Kế hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Polyline		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

đ) Lớp quy hoạch sử dụng đất cấp dạng điểm

Tên lớp dữ liệu: QuyHoachSDDQG_Point

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	diemQuyHoachID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã vùng kinh tế - xã hội	maVungKTXH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã vùng kinh tế - xã hội
Tên điểm quy hoạch	tenDiemQuyHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Polyline		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

e) Lớp kế hoạch sử dụng đất cấp dạng điểm

Tên lớp dữ liệu: KeHoachSDDQG_Point

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	diemKeHoachID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã vùng kinh tế - xã hội	maVungKTXH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã vùng kinh tế - xã hội
Liên kết dự án quy hoạch	congTrinhKeHoachId	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa liên kết đến dữ liệu thuộc tính của công trình kế hoạch
Tên điểm kế hoạch	tenDiemKeHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên điểm kế hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích kế hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namKeHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập Kế hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.2.3.2.Nhóm lớp dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

a) Lớp quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh dạng vùng

Tên lớp dữ liệu: QuyHoachSDDTinh_Poly

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	vungQuyHoachTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên vùng quy hoạch	tenVungQuyHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Diện tích phân bổ	dienTichPhanBo	Số thực	Real		Là diện tích được quy hoạch cấp trên phân bổ, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Diện tích xác định	dienTichXd	Số thực	Real		Là diện tích được xác định trong cấp lập quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

b) Lớp quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh dạng tuyến

Tên lớp dữ liệu: QuyHoachSDDTinh_Line

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Line)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	tuyenQuyHoachTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên tuyến quy hoạch	tenTuyenQuyHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên tuyến quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Diện tích phân bổ	dienTichPhanBo	Số thực	Real		Là diện tích được quy hoạch cấp trên phân bổ, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Diện tích xác định	dienTichXd	Số thực	Real		Là diện tích được xác định trong cấp lập quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Polyline		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

c) Lớp quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh dạng điểm

Tên lớp dữ liệu: QuyHoachSDDTinh_Point

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	diemQuyHoachTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên điểm quy hoạch	tenDiemQuyHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên điểm quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Diện tích phân bổ	dienTichPhanBo	Số thực	Real		Là diện tích được quy hoạch cấp trên phân bổ
Diện tích xác định	dienTichXd	Số thực	Real		Là diện tích được xác định trong cấp lập quy hoạch
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

d) Lớp vùng các khu vực bảo vệ nghiêm ngặt

Tên lớp dữ liệu: khuVucBaoVeNghiengNgat_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	kvBaoVeNNTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên vùng cần bảo vệ	tenVungBaoVe	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

đ) Lớp vùng khu vực lần biến sử dụng cho mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp

Tên lớp dữ liệu: khuVucLanBien_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	khuVucLanBienTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên vùng lân biên	tenVungLanBien	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

e) Lớp kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh dạng vùng

Tên lớp dữ liệu: KeHoachSDDTinh_Poly

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	keHoachSDDTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự

Trường thông tin			Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh			
						động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Vùng kế hoạch sử dụng đất ID	vungKeHoachPolyCapTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString			Là khóa ngoại để xác định vùng kế hoạch sử dụng đất của vùng kế hoạch nào.
Liên kết dự án kế hoạch	CongTrinhKeHoachCapTinhId	Chuỗi ký tự	CharacterString			Là khóa liên kết đến dữ liệu thuộc tính của công trình kế hoạch
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString		2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString		3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên vùng kế hoạch	tenVungKeHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString		50	Tên vùng kế hoạch
Mã mục đích sử dụng theo kế hoạch	mucDichSuDungKH	Chuỗi ký tự	CharacterString		3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo kế hoạch”
Diện tích	dienTich	Real	Số thực			Là diện tích thực hiện trong năm kế hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer		4	Là năm lập quy hoạch.
Năm lập kế hoạch	namLapKH	Số nguyên	Integer		4	Là năm lập kế hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu đang vùng	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

g) Lớp kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh dạng tuyến

Tên lớp dữ liệu: KeHoachSDDTinh_Line

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	keHoachSDDPline_TinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tuyển kế hoạch sử dụng đất ID	tuyenKeHoach_TinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại để xác định vùng kế hoạch sử dụng đất của tuyển kế hoạch nào.
Liên kết dự án kế hoạch	congTrinhKeHoach_TinhId	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa liên kết đến dữ liệu thuộc tính của công trình kế hoạch
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên vùng kế hoạch	tenVungKeHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng kế hoạch
Mã mục đích sử dụng theo kế hoạch	mucDichSuDungKH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo kế hoạch”
Diện tích	dienTich	Real	Số thực		Là diện tích hiện trong năm kế hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch
Năm lập kế hoạch	namLapKH	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập kế hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Polyline		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

h) Lớp kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh dạng điểm

Tên lớp dữ liệu: KeHoachSDDTTinh_Point

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	keHoachSDDTTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Điểm kế hoạch sử dụng đất ID	diemKeHoachCapTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại để xác định điểm kế hoạch sử dụng đất của kế hoạch nào.
Liên kết dự án kế hoạch	congTrinhKeHoach_TinhId	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa liên kết đến dữ liệu thuộc tính của công trình kế hoạch
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên điểm kế hoạch	tenDiemKeHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng kế hoạch
Mã mục đích sử dụng theo kế hoạch	mucDichSuDungKH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo kế hoạch”
Diện tích	dienTich	Real	Số thực		Là diện tích thực hiện trong năm kế hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Năm lập kế hoạch	namLapKH	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập kế hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

i) Lớp khu chức năng cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: KhuChucNangCapTinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	khuChucNangCapTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên khu chức năng	tenKhuChucNang	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên khu chức năng
Mã loại khu chức năng cấp tỉnh	loaiKhuChucNangCapTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Loại khu chức năng cấp tỉnh”
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.2.3.3. Nhóm lớp dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện

a) Lớp quy hoạch sử dụng đất cấp huyện dạng vùng

Tên lớp dữ liệu: QuyHoachSDDHuyen_Poly

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	vungQuyHoachHuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên vùng quy hoạch	tenVungQuyHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Diện tích phân bổ	dienTichPhanBo	Số thực	Real		Là diện tích được quy hoạch cấp trên phân bổ
Diện tích xác định	dienTichXd	Số thực	Real		Là diện tích được xác định trong cấp lập quy hoạch

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

b) Lớp quy hoạch sử dụng đất cấp huyện dạng tuyến

Tên lớp dữ liệu: QuyHoachSDDHuyen_Line

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	tuyenQuyHoach_HuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHXCxa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên tuyến quy hoạch	tenTuyenQuyHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên tuyến quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Diện tích phân bổ	dienTichPhanBo	Số thực	Real		Là diện tích được quy hoạch cấp trên phân bổ, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Diện tích xác định	dienTichXd	Số thực	Real		Là diện tích được xác định trong cấp lập quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Polyline		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

c) Lớp quy hoạch sử dụng đất cấp huyện dạng điểm

Tên lớp dữ liệu: QuyHoachSDDHuyen_Point

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	diemQuyHoach_HuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHXCxa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					hàng bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên điểm quy hoạch	tenDiemQuyHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên điểm quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Diện tích phân bổ	dienTichPhanBo	Số thực	Real		Là diện tích được quy hoạch cấp trên phân bổ, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Diện tích xác định	dienTichXd	Số thực	Real		Là diện tích được xác định trong cấp lập quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

d) Lớp vùng các khu vực bảo vệ nghiêm ngặt

Tên lớp dữ liệu: khuVucBaoVeNghiemNgat_Huyen

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	khuVucBVNNHuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHXCxa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên vùng cần bảo vệ	tenVungBaoVe	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

đ) Lớp vùng khu vực lần biến sử dụng cho mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp

Tên lớp dữ liệu: khuVucLanBien_Huyen

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	khuVucLanBien_HuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDV/HCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDV/HCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên vùng lân biên	tenVungBaoVe	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

e) Lớp kế hoạch sử dụng đất cấp huyện dạng vùng

Tên lớp dữ liệu: KeHoachSDDHuyen_Poly

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	keHoachSDDCapHuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Vùng kế hoạch sử dụng đất ID	vungKeHoachCapHuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại để xác định vùng kế hoạch sử dụng đất của vùng kế hoạch nào.
Liên kết dự án kế hoạch	congTrinhKeHoach_HuyenId	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa liên kết đến dữ liệu thuộc tính của công trình quy hoạch
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHXCxa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên vùng kế hoạch	tenVungKeHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo kế hoạch	mucDichSuDungKH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo kế hoạch”
Diện tích	dienTich	Real	Số thực		Là diện tích thực hiện trong năm kế hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer		Là năm lập quy hoạch.
Năm lập kế hoạch	namLapKH	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập kế hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

g) Lớp kế hoạch sử dụng đất cấp huyện dạng tuyến

Tên lớp dữ liệu: KeHoachSDDPHuyen_Line

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Trường thông tin			Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh			
Mã đối tượng	keHoachSDDCapHuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString			Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tuyển kế hoạch sử dụng đất ID	tuyenKeHoachCapHuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString			Là khóa ngoại để xác định vùng kế hoạch sử dụng đất của tuyển kế hoạch nào.
Liên kết dự án kế hoạch	congTrinhKeHoach_HuyenId	Chuỗi ký tự	CharacterString			Là khóa liên kết đến dữ liệu thuộc tính của công trình quy hoạch
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3		Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5		Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên tuyển kế hoạch	tenTuyenKeHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50		Tên tuyển kế hoạch
Mã mục đích sử dụng theo kế hoạch	mucDichSuDungKH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3		Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo kế hoạch”
Diện tích	dienTich	Real	Số thực			Là diện tích thực hiện trong năm kế hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4		Là năm lập quy hoạch
Năm lập kế hoạch	namLapKH	Số nguyên	Integer	4		Là năm lập kế hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Polyline			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

h) Lớp khu chức năng cấp huyện

Tên lớp dữ liệu: KhuChucNangCapHuyen

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	khuChucNangCapHuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên khu chức năng	tenKhuChucNang	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên khu chức năng
Mã loại khu chức năng cấp huyện	loaiKhuChucNang	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Loại khu chức năng cấp huyện”
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

i) Lớp kế hoạch sử dụng đất cấp huyện dạng điểm

Tên lớp dữ liệu: KeHoachSDDHuyen_Point

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		

Trường thông tin			Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh			
Mã đối tượng	keHoachSDDCapHuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString			Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Điểm kế hoạch sử dụng đất ID	diemKeHoachtCapHuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString			Là khóa ngoại để xác định điểm kế hoạch sử dụng đất của kế hoạch nào.
Liên kết dự án kế hoạch	congTrinhKeHoach_HuyenId	Chuỗi ký tự	CharacterString			Là khóa liên kết đến dữ liệu thuộc tính của công trình kế hoạch
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3		Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5		Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên điểm kế hoạch	tenDiemQuyHoachKeHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50		Tên điểm kế hoạch
Mã mục đích sử dụng theo kế hoạch	mucDichSuDungKH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3		Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo kế hoạch”
Diện tích	dienTich	Real	Số thực			Là diện tích thực hiện trong năm kế hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4		Là năm lập quy hoạch
Năm lập kế hoạch	namLapKH	Số nguyên	Integer	4		Là năm lập kế hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.2.4. Dữ liệu không gian giá đất

a) Lớp dữ liệu vùng giá trị

Tên lớp dữ liệu: VungGiaTri

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	vungGiaTriID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên vùng giá trị	tenVung	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên vùng giá trị
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHC	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã đơn vị hành chính cấp xã
Thời điểm xác định vùng giá trị	thoiDiemXacDinhVGT	Ngày tháng	Date	10	Là thời điểm xác định vùng giá trị (dd/mm/yyyy)
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

b) Lớp dữ liệu thửa đất chuẩn

Tên lớp dữ liệu: ThuaDatChuan

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	thuaDatChuanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Vùng giá trị	vungGiaTriID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với vùng giá trị
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã đơn vị hành chính cấp xã
Thông tin thửa đất	thuaDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với lớp thửa đất
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

c) Lớp dữ liệu thửa đất cụ thể

Tên lớp dữ liệu: ThuaDatCuThe

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	thuaDatCuTheID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Vùng giá trị	vungGiaTriID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với vùng giá trị
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHC	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã đơn vị hành chính cấp xã

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Thông tin thửa đất	thuaDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với lớp thửa đất
Thửa đất chuẩn để định giá	thuaDatChuanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại để liên kết với thửa đất chuẩn
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.2.5. Dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai

2.2.5.1.Nhóm lớp dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cả nước, vùng kinh tế - xã hội

a) Lớp hiện trạng sử dụng đất cả nước

Tên lớp dữ liệu: KK_VungHienTrang_CN

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại đất hiện trạng	loaiDatHienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Mục đích sử dụng đất
Năm kiểm kê	namKiemKe	Số nguyên	Integer	4	Năm kiểm kê
Vùng kinh tế - xã hội	maVungKTXH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Mã vùng kinh tế - xã hội

Trường thông tin		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin		
Diện tích	dienTich		Diện tích, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha
Dữ liệu đồ họa	geo		Dữ liệu đồ họa

b) Lớp hiện trạng sử dụng đất vùng kinh tế - xã hội:

Tên lớp dữ liệu: KK_VungHienTrang_Vung

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin		
Mã đối tượng	ID		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại đất hiện trạng	loaiDatHienTrang	3	Mục đích sử dụng đất
Năm kiểm kê	namKiemKe	4	Năm kiểm kê
Vùng kinh tế - xã hội	maVungKTXH	2	Mã vùng kinh tế - xã hội
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	2	Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh
Diện tích	dienTich		Diện tích, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha
Dữ liệu đồ họa	geo		Dữ liệu đồ họa

c) Lớp dữ liệu kiểm kê đất đai chuyên đề cả nước

Tên lớp dữ liệu: KK_ChuyenDe_CN

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID		CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên chuyên đề	loaiChuyenDe	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên chuyên đề
Vùng kinh tế - xã hội	maVungKTXH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Mã vùng kinh tế - xã hội
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh
Tên đối tượng chuyên đề	tenDoiTuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	tên đối tượng chuyên đề
Ký hiệu đối tượng	kyHieuDoiTuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Ký hiệu đối tượng
Loại đất hiện trạng	loaiDatHienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Loại đất hiện trạng trong danh mục loại đất
Loại đất chuyên đề	loaiDatChuyenDe	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Loại đất chuyên đề trong danh mục loại đất
Diện tích đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha
Thời điểm thực hiện	thoiDiemThucHien	Chuỗi ký tự	Date/time	10	Thời điểm thực hiện chuyên đề
Loại đối tượng	loaiDoiTuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Loại đối tượng
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Ghi chú

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Dữ liệu không gian	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Dữ liệu không gian

d) Lớp dữ liệu kiểm kê chuyên đề vùng kinh tế - xã hội

Tên lớp dữ liệu: KK_ChuyenDe_Vung

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID		CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên chuyên đề	loaiChuyenDe	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên chuyên đề
Vùng kinh tế - xã hội	maVungKTXH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Mã vùng kinh tế - xã hội
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh
Tên đối tượng chuyên đề	tenDoiTuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Tên đối tượng chuyên đề
Ký hiệu đối tượng	kyHieuDoiTuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Ký hiệu đối tượng
Loại đất hiện trạng	loaiDatHienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Loại đất hiện trạng trong danh mục loại đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Loại đất chuyên đề	loaiDatChuyenDe	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Loại đất chuyên đề trong danh mục loại đất
Diện tích đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha
Thời điểm thực hiện	thoiDiemThucHien	Chuỗi ký tự	Date/time	10	Thời điểm thực hiện chuyên đề
Loại đối tượng	loaiDoiTuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Loại đối tượng
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Ghi chú
Dữ liệu không gian	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Dữ liệu không gian

đ) Lớp ranh giới khu vực tổng hợp cả nước

Tên lớp dữ liệu: RanhGioiKhuVucTongHop_CN

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng đường (GM_Line)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Vùng kinh tế - xã hội	maVungKTXH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Mã vùng kinh tế - xã hội
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã loại khu vực tổng hợp	loaiKhuVucTongHop	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Loại khu vực tổng hợp”
Năm thực hiện kiểm kê	namKiemKe	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện kiểm kê
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Line		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

e) Lớp ranh giới khu vực tổng hợp vùng kinh tế - xã hội

Tên lớp dữ liệu: RanhGioiKhuVucTongHop_Vung

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng đường (GM_Line)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Vùng kinh tế - xã hội	maVungKTXH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Mã vùng kinh tế - xã hội
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh
Mã loại khu vực tổng hợp	loaiKhuVucTongHop	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Loại khu vực tổng hợp”
Năm thực hiện kiểm kê	namKiemKe	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện kiểm kê
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Line		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.2.5.2.Nhóm lớp dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp tỉnh

a) Lớp hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: HienTrangSDD_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã loại đất theo hiện trạng	loaiDatHienTrang	Số nguyên	Integer	3	Được xác định trong bảng mã: “Loại đất hiện trạng”
Năm thực hiện kiểm kê	namKiemKe	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện kiểm kê
Diện tích đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

b) Lớp ranh giới khu vực tổng hợp cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: RanhGioiKhuVucTongHop_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Line)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã loại khu vực tổng hợp	loaiKhuVucTongHop	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Loại khu vực tổng hợp”
Năm thực hiện kiểm kê	namKiemKe	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện kiểm kê
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Line		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.2.5.3. Nhóm lớp dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp huyện

a) Lớp hiện trạng sử dụng đất cấp huyện

Tên lớp dữ liệu: HienTrangSDDCapHuyen

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã loại đất theo hiện trạng	loaiDatHienTrang	Số nguyên	Integer	3	Được xác định trong bảng mã: “Loại đất hiện trạng”
Năm thực hiện kiểm kê	namKiemKe	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện kiểm kê
Diện tích đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

b) Lớp ranh giới khu vực tổng hợp cấp huyện

Tên lớp dữ liệu: RanhGioiKhuVucTongHopCapHuyen

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng đường (GM_Line)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã loại khu vực tổng hợp	loaiKhuVucTongHop	Số nguyên	Integer	3	Được xác định trong bảng mã: “Loại khu vực tổng hợp”
Năm thực hiện kiểm kê	namKiemKe	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện kiểm kê
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Line		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.2.5.4.Nhóm lớp dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp xã

a) Lớp hiện trạng sử dụng đất cấp xã

Tên lớp dữ liệu: HienTrangSDDCapXa

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					ban hành bằng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bằng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bằng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã loại đất theo hiện trạng	loaiDatHienTrang	Số nguyên	Integer	3	Được xác định trong bảng mã: “Loại đất hiện trạng”
Năm thực hiện kiểm kê	namKiemKe	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện kiểm kê
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

b) Lớp ranh giới khu vực tổng hợp cấp xã

Tên lớp dữ liệu: RanhGioiKhuVucTongHopCapXa

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng đường (GM_Line)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã loại khu vực tổng hợp	loaiKhuVucTongHop	Số nguyên	Integer	2	Được xác định trong bảng mã: “Loại khu vực tổng hợp”
Năm thực hiện kiểm kê	namKiemKe	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện kiểm kê
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Line		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

c) Lớp kết quả điều tra kiểm kê đất đai

Tên lớp dữ liệu: KetQuaDieuTraKiemKe

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ketQuaKiemKeID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanhDat	Số nguyên	Integer	4	
Mã loại đất theo hiện trạng	loaiDatHienTrang	Số nguyên	Integer	3	Được xác định trong bảng mã: “Loại đất hiện trạng”
Mã đối tượng quản lý, sử dụng đất	maDoiTuong	Số nguyên	Integer	3	Được xác định trong bảng mã: “Đối tượng sử dụng”
Diện tích khoanh đất	dienTichKhoanhDat	Số thực	Real		Là diện tích khoanh đất, đơn vị tính là m ²
Năm thực hiện kiểm kê	namKiemKe	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện kiểm kê
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

d) Lớp dữ liệu thống kê cấp xã

Tên lớp dữ liệu: KetQuaThongKe

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	thongKeID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanhDat	Số nguyên	Integer	4	
Mã loại đất theo hiện trạng	loaiDatHienTrang	Số nguyên	Integer	3	Được xác định trong bảng mã: “Loại đất hiện trạng”
Mã đối tượng quản lý, sử dụng đất	maDoiTuong	Số nguyên	Integer	3	Được xác định trong bảng mã: “Đối tượng sử dụng”
Diện tích khoanh đất	dienTichKhoanhDat	Số thực	Real		Là diện tích khoanh đất, đơn vị tính là m ²
Năm thực hiện thống kê	namThongKe	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện thống kê
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.2.6. Dữ liệu khác liên quan đến đất đai

2.2.6.1.Nhóm lớp dữ liệu thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính

a) Lớp dữ liệu ranh giới đo đạc lập bản đồ địa chính

Tên lớp dữ liệu: RanhGioiKhuDo

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ranhGioiKhuDoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính cấp huyện
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính cấp xã.
Tên ranh giới khu đo	tenRanhGioiKhuDo	Chuỗi ký tự	CharacterString	200	Là tên ranh giới khu đo theo Thiết kế kỹ thuật - Dự toán hoặc phương án
Loại hình đo đạc bản đồ	loaiHinhDoDacBanDoID	Số nguyên	Integer	1	Chỉ tiết tại bảng danh mục: Loại hình đo đạc lập bản đồ địa chính
Tỷ lệ	tyLe	Số nguyên	Integer	5	Là mẫu số tỷ lệ của bản đồ
Tài liệu đo đạc	taiLieuDoDacID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết tới bảng Tài liệu đo đạc

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

b) Lớp dữ liệu phân mảnh bản đồ địa chính

Tên lớp dữ liệu: PhanManhBanDo

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	PhanManhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Ranh giới khu đo	ranhGioiKhuDoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết tới bảng dữ liệu ranh giới đo đạc lập bản đồ địa chính
Phiên hiệu mảnh	phienHieuManh	Chuỗi ký tự	CharacterString	25	Là phiên hiệu mảnh bản đồ.
Tên mảnh	TenManh	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là tên mảnh bản đồ
Tỷ lệ	tyLe	Số nguyên	Integer	10	Là mẫu số tỷ lệ của bản đồ
Liên kết File bản đồ địa chính lưu trữ	linkFileBanDoDiaChinhGoc	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến địa chỉ lưu trữ mảnh bản đồ địa chính định dạng file DGN được nghiệm thu bản giao lưu trữ.
Liên kết File bản đồ địa chính sử dụng	linkFileBanDoDiaChinh	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến địa chỉ lưu trữ mảnh bản đồ địa chính định dạng file DGN được nghiệm thu bản giao đưa vào sử dụng.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Ghi chú về mảnh bản đồ
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
Ghi chú: Hệ thống mảnh bản đồ địa chính số định dạng dgn được tổ chức lưu trữ trên hệ thống phần cứng của máy tính có cấu trúc thư mục như sau: - Thư mục tên mã đơn vị hành chính cấp xã - Thư mục tên Khu đo - Tên file bản đồ được đặt tên như sau: + dc+số thứ tự mảnh bản đồ+_g.dgn + dc+số thứ tự mảnh bản đồ.dgn					

2.2.6.2. Lớp dữ liệu địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất

Tên lớp dữ liệu: DiaChiSoThuaDatTaiSan

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là mã đối tượng do hệ thống khởi tạo tự động; dữ liệu dạng UUID
Mã Địa chỉ	MaDiaChi	Chuỗi ký tự	CharacterString	12	Là mã địa chỉ số của thửa đất hoặc tài sản. Theo quy định xác định mã địa chỉ số quốc gia.
Loại đối tượng	loaiDoiTuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là đối tượng thửa đất hoặc tài sản
Đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Đơn vị hành chính cấp xã theo danh mục của tổng cục thống kê
Tọa độ X	ToaDoX	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng X trong Hệ tọa độ quốc gia. Đơn vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phần thập phân.
Tọa độ Y	ToaDoY	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng Y trong Hệ tọa độ quốc gia. Đơn vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phần thập phân.
Tọa độ địa lý (B)	toaDoB	Chuỗi ký tự	CharacterString		Tọa độ địa lý (B)
Tọa độ địa lý (L)	toaDoL	Chuỗi ký tự	CharacterString		Tọa độ địa lý (L)
Tọa độ địa lý (H)	toaDoH	Chuỗi ký tự	CharacterString		Tọa độ địa lý (H) nếu có

Hiệu lực địa chỉ	hieuLuc	Số nguyên	Integer		Là hiệu lực của địa chỉ
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là phiên bản của địa chỉ
Đối tượng không gian	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point		Dữ liệu không gian theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực địa phương

2.2.6.3. Nhóm lớp dữ liệu tổng hợp về giá đất

a) Lớp dữ liệu tổng hợp vùng giá trị

Tên lớp dữ liệu: TongHopVungGiaTri_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	tongHopVungGiaTriID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã đơn vị hành chính cấp tỉnh
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã đơn vị hành chính cấp huyện
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã đơn vị hành chính cấp xã
Tên vùng giá trị	tenVung	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên vùng giá trị
Thời điểm xác định vùng giá trị	thoiDiemXacDinhVGT	Ngày tháng	Date	10	Là thời điểm xác định vùng giá trị (dd/mm/yyyy)
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

b) Lớp dữ liệu tổng hợp thửa đất chuẩn

Tên lớp dữ liệu: tongHopThuaDatChuan_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	thuaDatChuanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã đơn vị hành chính cấp tỉnh
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã đơn vị hành chính cấp huyện
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã đơn vị hành chính cấp xã
Vùng giá trị	vungGiaTriID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với vùng giá trị
Mã thửa đất	mathuaDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là mã thửa đất. Là mã định danh thửa đất duy nhất trên toàn quốc gồm 10 ký tự (Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh + 8 số tự nhiên)
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_polyGon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

3. Dữ liệu thuộc tính đất đai

3.1. Dữ liệu thuộc tính địa chính

3.1.1. Nhóm dữ liệu về thửa đất

a) Dữ liệu về thửa đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	thuaDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Mã đối tượng duy nhất trong bảng dữ liệu được sinh tự động trong hệ thống
Mã thửa đất	maThuaDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là mã định danh thửa đất duy nhất trên toàn quốc gồm 10 ký tự (Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh + 8 số tự nhiên)
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHXCxã	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Số hiệu tờ bản đồ	soHieuToBanDo	Số nguyên	Integer	4	Là số hiệu bản đồ
Số thửa đất	soThuTuThua	Số nguyên	Integer	5	Là số thứ tự thửa đất
Số hiệu tờ bản đồ cũ	soHieuToBanDoCu	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là số hiệu bản đồ cũ (dưới dạng văn bản)
Số thửa đất cũ	soThuTuThuaCu	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là số thứ tự thửa đất cũ (dưới dạng văn bản)
Loại đất	Chỉ tiết tại nhóm thông tin về mục đích sử dụng của thửa đất				Là loại đất trong bảng danh mục loại đất
Nguồn gốc sử dụng	Chỉ tiết tại nhóm thông tin về nguồn gốc sử dụng				

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích không gian của thửa đất, đơn vị tính là m ²
Diện tích pháp lý	dienTichPhapLy	Số thực	Real		Là diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận; trường hợp chưa cấp Giấy chứng nhận mà có giấy tờ pháp lý về nguồn gốc thì ghi diện tích theo giấy tờ đó; trường hợp không có các giấy tờ trên thì không nhập mục này. Đơn vị tính là m ²
Tài liệu đo đạc	maTaiLieuDoDac	Số nguyên	Integer		Là mã tài liệu trong bảng danh mục LoạiTaiLieuDoDacDiaChinh
Là đối tượng chiếm đất	laDoiTuongChiemDat	Lôgic	Boolean		0: Là thửa đất 1: Là đối tượng địa lý hình tuyến
Quyền quản lý	Chi tiết tại nhóm thông tin về quyền quản lý đất				Là thông tin về quyền quản lý của thửa đất
Quyền sử dụng	Chi tiết tại nhóm thông tin về quyền sử dụng đất				Là thông tin về quyền sử dụng của thửa đất
Thay đổi trong quá trình sử dụng	Chi tiết tại nhóm thông tin về sự thay đổi trong quá trình sử dụng đất				Là thông tin về sự thay đổi trong quá trình sử dụng đất
Địa chỉ	Chi tiết tại nhóm thông tin về địa chỉ				Là thông tin về địa chỉ của thửa đất
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên thể hiện thông tin phiên bản của thửa đất (mỗi lần biến động của thửa đất có 1 số).
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

b) Dữ liệu về loại đất của thửa đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	mucDichSuDungDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã thửa đất	thuaDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Khóa ngoại liên kết tới dữ liệu thửa đất
Số thứ tự loại đất	soThuTuLoaiDat	Số nguyên	Integer	1	Là số thứ tự của loại đất theo thửa
Mã loại đất	maLoaiDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã loại đất được xác định trong bảng danh mục loại đất
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	maMDSDDQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã mục đích sử dụng theo quy hoạch được xác định trong bảng mã
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích của loại đất, đơn vị tính là m ²
Thời hạn sử dụng	thoiHanSuDung	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là thông tin về thời hạn sử dụng thực tế
Ngày hạn sử dụng	ngayHanSuDung	Ngày	Date	10	Là ngày hạn sử dụng xác định đến ngày, tháng, năm hạn sử dụng đất
Phiên bản thửa đất	phienBanThuaDat	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của thửa đất

c) Dữ liệu về nguồn gốc sử dụng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	nguồnGocID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					hình dữ liệu quan hệ
Nguồn gốc sử dụng đất đăng ký	nguồnGocDangKy	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là nguồn gốc sử dụng đất trong trường hợp đăng ký sử dụng đất nhưng chưa hoặc không cấp Giấy chứng nhận ví dụ: “Sử dụng đất từ năm 1984, do tự khai phá (hoặc do Ông cha để lại, do nhận chuyển nhượng, được Nhà nước giao không thu tiền ...)”; Là mã nguồn gốc sử dụng đất được xác định khi cấp Giấy chứng nhận lần đầu, xác định nguồn gốc trong bảng danh mục nguồn gốc sử dụng
Nguồn gốc sử dụng đất cấp giấy lần đầu	nguồnGocCapGiayLanDau	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là nguồn gốc sử dụng đất thể hiện hình thức nhận chuyển quyền (nếu có), xác định nguồn gốc trong bảng danh mục nguồn gốc sử dụng
Nguồn gốc sử dụng đất biến động	nguồnGocBienDong	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích nguồn gốc

d) Dữ liệu về bảng tài liệu đo đạc

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Tài liệu đo đạc	taiLieuDoDacID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					Nam
Loại bản đồ địa chính	loaiBanDoDiaChinh	Số nguyên	Integer	1	Là loại bản đồ địa chính nằm trong bảng danh mục
Loại hình đo đạc	hinhThucDoDac	Số nguyên	Integer	1	Là loại hình đo đạc nằm trong bảng danh mục (đo mới, đo bổ sung, đo chỉnh lý, trích đo địa chính....)
Đơn vị đo đạc	donViDoDac	Chuỗi ký tự	CharacterString	100	Là tên đơn vị đo đạc
Phương pháp đo	phuongPhapDo	Chuỗi ký tự	CharacterString	100	Là phương pháp đo đạc
Mức độ chính xác	mucDoChinhXac	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là mức độ chính xác
Tỷ lệ đo đạc	tyLeDoDac	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là các tỷ lệ: 1/200, 1/500, 1/1000, 1/2000, 1/5000, 1/10000
Ngày hoàn thành	ngayHoanThanh	Ngày	Date	10	Là ngày hoàn thành đo đạc
Phiên bản thửa đất	phienBanThuaDat	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của thửa đất

3.1.2. Nhóm dữ liệu về người quản lý, sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất

a) Dữ liệu về cá nhân

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	caNhanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Họ và tên	hoTen	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là họ và tên của người ghi trong giấy tờ nhân thân.
Ngày tháng năm sinh	ngaySinh	Ngày tháng	Date/Integer	10	Là ngày, tháng, năm sinh (nếu có)
Năm sinh	namSinh	Ngày tháng	Integer	4	Năm sinh
Giới tính	gioiTinh	Số nguyên	Integer	1	Thể hiện giới tính của cá nhân (0 là nữ, 1 là nam và 2 là giới tính khác)
Mã số thuế	maSoThue	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là mã số thuế để kết nối sang cơ sở dữ liệu của ngành thuế
Giấy tờ tùy thân	Chi tiết tại nhóm thông tin về giấy tờ tùy thân				Liên kết sang dữ liệu về giấy tờ tùy thân. Trường hợp đã kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
Quốc tịch	Chi tiết tại nhóm thông tin về quốc tịch				Liên kết sang dữ liệu quốc tịch của đối tượng là cá nhân
Dân tộc	Chi tiết tại nhóm thông tin về dân tộc				Là trường dữ liệu về dân tộc
Địa chỉ	Chi tiết tại nhóm thông tin về địa chỉ	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là thông tin về địa chỉ của đối tượng là cá nhân
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của cá nhân
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

b) Dữ liệu về hộ gia đình

Trường thông tin		Kiểu giá trị		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	hoGiaDinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Chủ hộ	Chi tiết tại nhóm thông tin về cá nhân				Là người có vai trò là chủ hộ. Một hộ gia đình có duy nhất một người là chủ hộ
Vợ hoặc chồng	Chi tiết tại nhóm thông tin về cá nhân				Là người có vai trò là vợ hoặc chồng đối với chủ hộ
Thành viên	Chi tiết tại nhóm thông tin về cá nhân				Là các thành viên của hộ gia đình
Địa chỉ	Chi tiết tại nhóm thông tin về địa chỉ	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là thông tin về địa chỉ của hộ gia đình
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Interger		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của hộ gia đình
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
Ghi chú: Bảng dữ liệu này chỉ áp dụng đối với dữ liệu trước ngày 01/8/2024					

c) Dữ liệu về vợ chồng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	voChongID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Vợ					động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Chồng	Chi tiết tại nhóm thông tin về cá nhân				Là người có vai trò là vợ
Phiên bản	Chi tiết tại nhóm thông tin về cá nhân				Là người có vai trò là chồng
Hiệu lực	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của vợ chồng
	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

d) Dữ liệu về tổ chức

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	toChucID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên tổ chức	tenToChuc	Chuỗi ký tự	CharacterString	120	Là tên của tổ chức
Tên viết tắt	tenVietTat	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là tên viết tắt của tổ chức
Tên tổ chức bằng tiếng Anh	tenToChucTA	Chuỗi ký tự	CharacterString	120	Là tên của tổ chức bằng tiếng Anh (nếu có)
Người đại diện	Chi tiết tại nhóm thông tin về cá nhân				Là người đại diện theo pháp luật

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Số quyết định	soQuyếtDinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là số quyết định thành lập hoặc số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
Ngày quyết định	ngayQuyếtDinh	Ngày tháng	Date/Integer		Là ngày ra quyết định thành lập hoặc ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức.
Loại quyết định thành lập	loaiQuyếtDinhThanhLap	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là thông tin phân loại quyết định thành lập tổ chức.
Mã số doanh nghiệp	maDoanhNghiep	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là mã số doanh nghiệp
Mã số thuế	maSoThue	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là mã số thuế để kết nối sang cơ sở dữ liệu của ngành thuế
Mã loại tổ chức	loaiToChuc	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là loại tổ chức nằm trong danh mục bảng mã
Địa chỉ	Chi tiết tại nhóm thông tin về địa chỉ	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là thông tin về địa chỉ của tổ chức
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của tổ chức
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

đ) Dữ liệu về cộng đồng dân cư

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	congDongID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên cộng đồng	tenCongDong	Chuỗi ký tự	CharacterString	120	Là tên của cộng đồng dân cư
Người đại diện	Chi tiết tại nhóm thông tin về cá nhân				Là người đại diện theo pháp luật
Địa danh cư trú	diaDanhCuTru	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là địa danh cư trú của cộng đồng dân cư
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của cộng đồng dân cư
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

e) Dữ liệu về nhóm người đồng sử dụng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	nhomNguoiID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Người đại diện	Chi tiết tại nhóm thông tin về cá nhân				Là người đại diện cho nhóm người (trong trường hợp cử người đại diện)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Thành viên	Chỉ tiết tại nhóm thông tin về cá nhân, hộ gia đình, vợ chồng, tổ chức				Là các thành viên còn lại của nhóm
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của nhóm người đồng sử dụng
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

g) Dữ liệu về địa chỉ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	diaChiID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính	maXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã đơn vị hành chính cấp xã
Địa chỉ chi tiết	diaChiChiTiet	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là địa chỉ chi tiết gồm: số nhà (nếu có); trường hợp địa chỉ là căn hộ chung cư hoặc tập thể thì xác định số nhà là số hiệu căn hộ/số hiệu toà nhà; tên ngõ phố, ngách, hẻm... (nếu có); xứ dòng đối với thửa đất có loại đất là đất nông nghiệp, tiểu khu đối với thửa đất có loại đất là đất rừng
Đường phố	tenDuongPho	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên đường, tên phố (nếu có)
Tổ dân phố	tenToDanPho	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là tên tổ dân phố (nếu có); đối với nông thôn là tên: thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Tên đơn vị hành chính cấp xã	tenDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là tên xã hoặc phường hoặc thị trấn
Tên đơn vị hành chính cấp huyện	tenDV/HCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là tên quận hoặc huyện hoặc thị xã hoặc thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc thành phố
Tên đơn vị hành chính cấp tỉnh	tenDV/HCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là tên tỉnh hoặc tên thành phố trực thuộc Trung ương.
Mã địa chỉ số	maDiaChiSo	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là mã địa chỉ số của thửa đất hoặc tài sản theo quy định xác định mã địa chỉ số quốc gia.
Phiên bản	phienBanDoiTuong	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của đối tượng

h) Dữ liệu về giấy tờ tùy thân

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	giayToTuyThanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã loại giấy tờ tùy thân	loaiGiayToTuyThan	Số nguyên	Integer	1	Là loại giấy tờ tùy thân nằm trong bảng mã
Số giấy tờ	soGiayTo	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là số giấy tờ tùy thân
Ngày cấp	ngayCap	Ngày tháng	Date/Integer		Là ngày cấp giấy tờ tùy thân
Nơi cấp	noiCap	Chuỗi ký tự	CharacterString	100	Là nơi cấp giấy tờ tùy thân

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã định danh cá nhân	maDinhDanhCaNhan	Chuỗi ký tự	CharacterString		Trường hợp đã xác thực điện tử với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì tự động lấy mã từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
Hình thức xác thực	hinhThucXacThuc	Số nguyên	Integer		1: là trạng thái xác thực qua giấy tờ tùy thân 2: là trạng thái đã xác thực qua VNID 3: là hình thức xác thực khác
Phiên bản	phienBanCaNhan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của cá nhân

i) Dữ liệu về giấy tờ tổ chức

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	giayToToChucId	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã loại giấy tờ tổ chức	loaiGiayToToChuc	Số nguyên	Integer	1	Là loại giấy tờ tổ chức nằm trong bảng mã
Số giấy tờ	soGiayTo	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là số giấy tờ tùy thân
Ngày cấp	ngayCap	Ngày tháng	Date/Integer	10	Là ngày cấp giấy tờ tùy thân
Nơi cấp	noiCap	Chuỗi ký tự	CharacterString	100	Là nơi cấp giấy tờ tùy thân
Mã định danh doanh nghiệp	maDinhDanhDoanhNghiep	Chuỗi ký tự	CharacterString		Trường hợp đã xác thực điện tử với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì tự động lấy mã từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Hình thức xác thực	hinhThucXacThuc	Số nguyên	Integer		1: là trạng thái xác thực qua giấy tờ tùy thân 2: là trạng thái đã xác thực qua VNID 3: là hình thức xác thực khác
Phiên bản	phienBanToChuc	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của tổ chức

k) Dữ liệu về quốc tịch

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	quocTichID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã quốc gia	maQuocGia	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã quốc gia theo tiêu chuẩn ISO 3166-1
Tên quốc gia theo phiên âm Việt Nam	tenQuocGiaTV	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là tên quốc gia theo phiên âm Việt Nam
Tên quốc gia theo phiên âm quốc tế	tenQuocGiaQT	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là tên quốc gia theo phiên âm quốc tế

l) Dữ liệu về dân tộc

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	danTocID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên dân tộc	tenDanToc	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên dân tộc

3.1.3. Nhóm dữ liệu về tài sản gắn liền với đất

a) Dữ liệu về nhà ở riêng lẻ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	nhaRiengLeID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHXCxa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Diện tích xây dựng	dienTichXayDung	Số thực	Real		Là diện tích mặt bằng chiếm đất của nhà ở tại vị trí tiếp xúc với mặt đất theo mép ngoài tường bao của nhà. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân;
Diện tích sàn	dienTichSan	Số thực	Real		Đối với nhà ở một tầng thì thể hiện diện tích mặt bằng sàn xây dựng của nhà đó. Đối với nhà ở nhiều tầng thì thể hiện tổng diện tích mặt bằng sàn xây dựng của các tầng. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân.
Số tầng	soTang	Chuỗi ký tự	CharacterString		Thể hiện tổng số tầng nhà
Số tầng hầm	soTangHam	Chuỗi ký tự	CharacterString		Thể hiện tổng số tầng hầm (nếu có)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Chiều cao	chieuCao	Số thực	Real		Là chiều cao thông thủy (nếu có)
Chiều cao tầng hầm	chieuCaoHam	Số thực	Real		Là chiều cao thông thủy tầng hầm (nếu có)
Năm hoàn công	namHoanCong	Số nguyên	Integer		Năm hoàn công ghi trên giấy tờ (nếu có)
Kết cấu nhà ở	ketCau	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là thông tin kết cấu của nhà, thể hiện loại vật liệu xây dựng (gạch, bê tông, gỗ...), các kết cấu chủ yếu là tường, khung, sàn, mái. Ví dụ: “Tường, khung, sàn bằng bê tông cốt thép; mái ngói”
Cấp hạng	capHang	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Xác định và thể hiện theo quy định phân cấp nhà ở của pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng
Địa chỉ	Chi tiết tại nhóm thông tin về địa chỉ				Là địa chỉ của nhà ở riêng lẻ
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của nhà riêng lẻ
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

b) Dữ liệu về hạng mục nhà riêng lẻ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	hangMucSoNhaRiengLeID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Thuộc nhà riêng lẻ	nhaRiengLeID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại xác định hạng mục thuộc nhà riêng lẻ nào
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích của hạng mục nhà riêng lẻ. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân.
Diện tích xây dựng	dienTichXayDung	Số thực	Real		Là diện tích sàn của hạng mục nhà riêng lẻ. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Tên hạng mục nhà	tenHangMucNha	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là diện tích xây dựng của hạng mục nhà riêng lẻ. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Chiều cao	chieuCao	Số thực	Real		Là tên của hạng mục nhà riêng lẻ
Chiều cao tầng hầm	chieuCaoHam	Số thực	Real		Là chiều cao thông thủy công trình (nếu có)
Phiên bản	phienBanNhaRiengLe	Số nguyên	Integer		Là chiều cao thông thủy tầng hầm (nếu có)
					Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của nhà riêng lẻ

c) Dữ liệu về khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	kuhChungCuID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Tên khu	tenKhu	Chuỗi ký tự	CharacterString	100	Là tên của khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp
Diện tích khu	dienTichKhu	Số thực	Real		Là diện tích khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân;
Địa chỉ	Chi tiết tại nhóm thông tin về địa chỉ				Là địa chỉ của chung cư
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của khu nhà chung cư
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

d) Dữ liệu về nhà chung cư

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	nhaChungCuID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Thuộc khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp	khuChungCuID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Khóa ngoại liên kết tới bảng khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp
Tên nhà chung cư	tenChungCu	Chuỗi ký tự	CharacterString	100	Là tên của tòa nhà chung cư, nhà hỗn hợp
Diện tích xây dựng	dienTichXayDung	Số thực	Real		Là diện tích mặt bằng chiếm đất của nhà chung cư tại vị trí tiếp xúc với mặt đất theo mép ngoài tường bao của nhà chung cư. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					một chữ số thập phân
Diện tích sàn	dienTichSan	Số thực	Real		Là diện tích sàn nhà chung cư. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Tổng số căn hộ, văn phòng, cơ sở dịch vụ - thương mại	tongSoCan	Số nguyên	Integer		Là tổng số căn hộ, văn phòng, cơ sở dịch vụ - thương mại trong nhà chung cư, nhà hỗn hợp
Số tầng	soTang	Số nguyên	Integer		Thể hiện tổng số tầng của tòa nhà kể cả cả tầng hầm
Số tầng hầm	soTangHam	Số nguyên	Integer		Thể hiện tổng số tầng hầm của nhà chung cư
Năm xây dựng	namXayDung	Số nguyên	Integer	4	Là năm xây dựng của chung cư
Chiều cao	chieuCao	Số thực	Real		Là chiều cao thông thủy của tòa nhà (nếu có)
Chiều cao tầng hầm	chieuCaoHam	Số thực	Real		Là chiều cao thông thủy tầng hầm (nếu có)
Năm hoàn thành	namHoanThanh	Số nguyên	Integer	4	Là năm hoàn thành của chung cư, hoàn công
Thời hạn sở hữu	thoiHanSoHuu	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là thông tin về thời hạn sở hữu của chủ đầu tư. Ví dụ: cho thuê đất 50 năm đến năm 2060
Cấp hạng nhà chung cư	capHang	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Xác định và thể hiện theo quy định phân cấp nhà chung cư của pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng
Địa chỉ	Chi tiết tại nhóm thông tin về địa chỉ				Là địa chỉ của chung cư

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của nhà chung cư
Hiệu lực	hieuluc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

đ) Dữ liệu về căn hộ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	canHoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Thuộc nhà chung cư	nhaChungCuID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại xác định căn hộ thuộc chung cư nào
Số hiệu căn hộ	soHieuCanHo	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là số hiệu căn hộ, văn phòng, cơ sở dịch vụ - thương mại
Tầng số	tangSo	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là thông tin thể hiện căn hộ nằm trên tầng bao nhiêu
Chiều cao căn hộ	chieuCaoCanHo	Số thực	Real		Là thông tin thể hiện chiều cao thông thủy của căn hộ (nếu có)
Độ cao căn hộ	doCaoCanHo	Số thực	Real		Là thông tin thể hiện chiều cao tương đối của mặt sàn của tòa nhà đến mặt sàn của căn hộ (nếu có)
Diện tích sàn	dienTichSan	Số thực	Real		Là diện tích sàn của căn hộ theo hợp đồng mua bán căn hộ. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của căn hộ
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

e) Dữ liệu về hạng mục sở hữu chung ngoài căn hộ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	hangMucSoHuuChungID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Thuộc nhà chung cư	nhaChungCuID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại xác định căn hộ thuộc nhà chung cư, nhà hỗn hợp nào
Tên hạng mục sở hữu chung ngoài căn hộ	tenHangMuc	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên hạng mục sở hữu chung ngoài căn hộ, Ví dụ: “hành lang chung”; “phòng hợp công cộng”; “cầu thang máy”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích của hạng mục sở hữu chung ngoài căn hộ. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Phiên bản	phienBanNhaChungCu	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của nhà chung cư

g) Dữ liệu về công trình xây dựng

Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Mô tả
------------------	--------------	---------------	-------

Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	congTrinhXayDungID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Tên công trình	tenCongTrinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là tên của công trình xây dựng
Diện tích xây dựng	dienTichXayDung	Số thực	Real		Là tổng diện tích mặt bằng chiếm đất của công trình xây dựng tại vị trí tiếp xúc với mặt đất theo mép ngoài tường bao của công trình xây dựng. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn lên số đến một chữ số thập phân;
Diện tích sàn	dienTichSan	Số thực	Real		Là diện tích sàn mà chủ đầu tư giữ lại sử dụng và diện tích các hạng mục mà chủ đầu tư có quyền sử dụng chung với các chủ căn hộ. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân.
Số tầng	soTang	Số nguyên	Integer		Thẻ hiện tổng số tầng của công trình xây dựng
Số tầng hầm	soTangHam	Số nguyên	Integer		Thẻ hiện tổng số tầng hầm của công trình xây dựng
Năm xây dựng	namXayDung	Số nguyên	Integer	4	Là năm xây dựng
Chiều cao	chieuCao	Số thực	Real		Là chiều cao thông thủy (nếu có)
Chiều cao tầng hầm	chieuCaoHam	Số thực	Real		Là chiều cao thông thủy tầng hầm (nếu có)
Năm hoàn thành	namHoanThanh	Số nguyên	Integer	4	Là năm hoàn thành, hoàn công
Thời hạn sở hữu	thoiHanSoHuu	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là thông tin về thời hạn sở hữu của chủ đầu tư. Ví dụ: cho thuê đất 50 năm đến năm 2060

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Cấp hạng công trình xây dựng	capHang	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Xác định và thể hiện theo quy định phân cấp nhà ở của pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng
Địa chỉ	Chi tiết tại nhóm thông tin về địa chỉ				Là địa chỉ của công trình xây dựng
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của công trình xây dựng
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

h) Dữ liệu về công trình ngầm

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	congTrinhXayDungID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Tên công trình ngầm	tenCongTrinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là tên của công trình ngầm
Loại công trình	loaiCongTrinhNgam	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là loại công trình ngầm theo quy định pháp luật về công trình ngầm
Diện tích công trình	dienTichCongTrinh	Số thực	Real		Là diện tích công trình ngầm (trừ công trình ngầm theo tuyến)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Độ sâu tối đa	doSauToiDa	Số thực	Real		Là độ sâu tối đa được tính từ mặt đất
Vị trí đầu nối công trình	viTriDauNoi	Chuỗi ký tự	CharacterString	100	Là vị trí đầu nối công trình
Năm xây dựng	namXayDung	Số nguyên	Integer	4	Là năm xây dựng
Năm hoàn thành	namHoanThanh	Số nguyên	Integer	4	Là năm hoàn thành
Thời hạn sở hữu	thoiHanSoHuu	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là thông tin về thời hạn sở hữu của chủ đầu tư. Ví dụ: cho thuê đất 50 năm đến năm 2060
Địa chỉ	Chi tiết tại nhóm thông tin về địa chỉ				Là địa chỉ của công trình ngầm
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của công trình ngầm
Hiệu lực	hieucLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

i) Dữ liệu về hạng mục của công trình xây dựng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	hangMucCongTrinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Thuộc công trình xây	congTrinhXayDungID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại thể hiện hạng mục của công trình xây dựng nào.

Trường thông tin			Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
dụng						
Tên hạng mục	tenHangMuc		Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là tên của hạng mục công trình
Công năng	congNang		Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là công năng của hạng mục
Diện tích xây dựng	dienTichXayDung		Số thực	Real		Là tổng diện tích mặt bằng chiếm đất của công trình xây dựng tại vị trí tiếp xúc với mặt đất theo mép ngoài tường bao của công trình xây dựng. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Diện tích sàn	dienTichSan		Số thực	Real		Là diện tích sàn của hạng mục công trình. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Số tầng	soTang		Số nguyên	Integer		Thể hiện tổng số tầng của công trình xây dựng
Số tầng hầm	soTangHam		Số nguyên	Integer		Thể hiện tổng số tầng hầm của công trình xây dựng
Chiều cao	chieuCao		Số thực	Real		Là chiều cao thông thủy (nếu có)
Chiều cao tầng hầm	chieuCaoHam		Số thực	Real		Là chiều cao thông thủy tầng hầm (nếu có)
Kết cấu hạng mục công trình	ketCau		Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Thể hiện loại vật liệu xây dựng công trình. Ví dụ: tường gạch, bê tông, khung sàn cốt thép, mái tôn.
Năm xây dựng	namXayDung		Số nguyên	Integer	4	Là năm xây dựng
Năm hoàn thành	namHoanThanh		Số nguyên	Integer	4	Là năm hoàn thành, hoàn công
Thời hạn sở hữu	thoiHanSoHuu		Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là thông tin về thời hạn sở hữu của chủ đầu tư. Ví dụ: cho thuê đất 50 năm đến năm 2060
Cấp hạng công trình	capHang		Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Xác định và thể hiện theo quy định phân cấp công trình xây dựng của pháp luật về nhà ở, pháp luật

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
xây dựng					về xây dựng
Địa chỉ chi tiết	diaChiChiTiet	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là địa chỉ chi tiết (nếu có) của hạng mục nằm trong công trình xây dựng
Phiên bản	phienBanCongTrinhXayDung	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của công trình xây dựng

k) Dữ liệu về rừng sản xuất là rừng trồng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	rungTrongID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên rừng	tenRung	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là tên của rừng sản xuất là rừng trồng
Loại cây rừng chủ yếu	loaiCayRung	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là trường thông tin thể hiện các loại cây rừng được trồng chủ yếu
Diện tích có rừng	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích có rừng
Địa chỉ	Chi tiết tại nhóm thông tin về địa chỉ				Là địa chỉ của rừng sản xuất
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của rừng trồng
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
Ghi chú: bảng dữ liệu này không được áp dụng sau ngày 01/8/ 2024					

l) Dữ liệu về cây lâu năm

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	cayLauNamID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên cây lâu năm	tenCayLauNam	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là tên của cây lâu năm (nếu có)
Loại cây trồng	loaiCayTrong	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là trường thông tin thể hiện các loại cây lâu năm được trồng chủ yếu
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích trồng cây lâu năm
Địa chỉ	Chi tiết tại nhóm thông tin về địa chỉ				Là địa chỉ của khu vực trồng cây lâu năm
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của cây lâu năm
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
Ghi chú: bảng dữ liệu này không được áp dụng sau ngày 01/8/2024					

3.1.4. Nhóm dữ liệu về quyền quản lý, quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

a) Dữ liệu về quyền sử dụng đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	quyenSuDungID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin			Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Nhóm dữ liệu về người	Chi tiết tại nhóm thông tin dữ liệu về người					
Nhóm dữ liệu về thửa đất hoặc đối tượng địa lý hình tuyến	Chi tiết tại nhóm thông tin dữ liệu về thửa đất					
Mục đích sử dụng	Chi tiết tại nhóm thông tin về mục đích sử dụng					
Nghĩa vụ tài chính	Chi tiết tại nhóm thông tin về nghĩa vụ tài chính					
Hạn chế quyền sử dụng	Chi tiết tại nhóm thông tin về hạn chế quyền					
Giấy chứng nhận	Chi tiết tại nhóm thông tin về giấy chứng nhận					

b) Dữ liệu về quyền quản lý đất

Trường thông tin			Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	quyenQuanLyID		Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nhóm dữ liệu về người	Chi tiết tại nhóm thông tin dữ liệu về người					Là thông tin về người được giao quản lý đất
Nhóm dữ liệu về thửa đất hoặc đối tượng địa lý hình tuyến	Chi tiết tại nhóm thông tin dữ liệu về thửa đất					
Mục đích sử dụng	Chi tiết tại nhóm thông tin về mục đích sử dụng					

c) Dữ liệu về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	quyenSoHuuID	ID	ID		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nhóm dữ liệu về người	Chi tiết tại nhóm thông tin dữ liệu về người				
Nhóm dữ liệu về tài sản gắn liền với đất	Chi tiết tại nhóm thông tin dữ liệu về tài sản gắn liền với đất				
Nghĩa vụ tài chính	Chi tiết tại nhóm thông tin về nghĩa vụ tài chính				
Hạn chế quyền sở hữu	Chi tiết tại nhóm thông tin về hạn chế quyền				
Giấy chứng nhận	Chi tiết tại nhóm thông tin về giấy chứng nhận				

d) Dữ liệu về đăng ký chung/riêng đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	danKyChungRiengDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nhóm dữ liệu về người	Chi tiết tại nhóm thông tin dữ liệu về người				

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Nhóm dữ liệu về thửa đất hoặc đối tượng địa lý hình tuyến	Chi tiết tại nhóm thông tin dữ liệu về thửa đất				
Mục đích sử dụng	Chi tiết tại nhóm thông tin về mục đích sử dụng				
Sử dụng chung	suDungChung	Lôgic	Boolean		Là sử dụng chung (chung/riêng: true/false)
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích sử dụng chung/riêng

đ) Dữ liệu về đăng ký chung/riêng tài sản gắn liền với đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	dangKyChungRiengTaiSanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nhóm dữ liệu về người	Chi tiết tại nhóm thông tin dữ liệu về người				
Nhóm dữ liệu về tài sản gắn liền với đất	Chi tiết tại nhóm thông tin dữ liệu về tài sản gắn liền với đất				
Sử dụng chung	suDungChung	Lôgic	Boolean		Là sử dụng chung (chung/riêng: true/false)
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích sử dụng chung/riêng

e) Dữ liệu về nghĩa vụ tài chính

Trường thông tin			Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh			
Mã đối tượng	nghiaVuTaiChinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString			Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại nghĩa vụ tài chính	loaiNghiaVuTaiChinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	30		Là loại nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất, thuế chuyển quyền, lệ phí trước bạ)
Tổng số tiền	tongSoTien	Số nguyên	Integer			Là tổng số tiền người sử dụng hoặc sở hữu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính. Đơn vị tính là đồng Việt Nam
Tổng số tiền miễn giảm	tongSoTienMienGiam	Số nguyên	Integer			Là tổng số tiền người sử dụng hoặc sở hữu được miễn giảm thực hiện nghĩa vụ tài chính. Đơn vị tính là đồng Việt Nam
Tổng số tiền nợ	tongSoTienNo	Số nguyên	Integer			Là tổng số tiền người sử dụng hoặc sở hữu được miễn giảm thực hiện nghĩa vụ tài chính. Đơn vị tính là đồng Việt Nam
Ngày bắt đầu tính nghĩa vụ tài chính	ngayBatDau	Ngày tháng	Date			Là ngày bắt đầu tính nghĩa vụ tài chính
Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính	hoanThanh	Lôgic	Boolean			Là trạng thái thực hiện nghĩa vụ tài chính. Giá trị 1 là đã hoàn thành Giá trị 0 là chưa hoàn thành
Không phải nộp nghĩa vụ tài chính	khongPhaiNop	Lôgic	Boolean			Là trạng thái thực hiện nghĩa vụ tài chính. Giá trị 1 là không phải nộp Giá trị 0 là phải nộp
Miễn giảm nghĩa vụ tài chính	Chi tiết tại nhóm thông tin về miễn giảm nghĩa vụ tài chính					
Nợ nghĩa vụ tài chính	Chi tiết tại nhóm thông tin về nợ nghĩa vụ tài chính					